

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 01/06/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P4+PPD+GTC1	7:25	10+9+2	0+0+0		8+4+0	0+0+0	
2		VSP02+TD5+RC5	9:25	12+0+9	0+0+0		10+6+10	0+0+0	

TTDBSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 01/06/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: P4 - PPD - GTC1	CREW: Nam - N.Cuong - Toan	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐO QUỐC VŨ	P4	38-39	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
2	BUI DINH THU	P4	53	1	15	10	64	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN HỮU TOÀN	P4	51-52	2	19		63	XAYLAP	Vietnamese
4	BUI TRỌNG TRIU	P4	49	1	15		66	XAYLAP	Vietnamese
5	DƯƠNG SỸ CHIẾN	P4	48	1	15		66	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN MINH HOÀNG	P4	46	1	10		67	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN TRỌNG DƯƠNG	P4	47	1	11		80	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ CƯ	P4	44-45	2	19		68	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐĂNG HIẾU	P4	40-41	2	14		60	XAYLAP	Vietnamese
10	PHAN THIÊN PHÚC	P4	42-43	2	17		80	XAYLAP	Vietnamese
11	BUI VĂN DŨA	PPD	73-74	2	13		74	NAM TIEN	Vietnamese
12	HOÀNG CÔNG ĐỨC	PPD	75	1	5		62	NAM TIEN	Vietnamese
13	LÊ NGỌC TIẾN	PPD	76	1	10		65	NAM TIEN	Vietnamese
14	TRẦN NGUYỄN ĐAN	PPD	77-78	2	10	24	55	NAM TIEN	Vietnamese
15	LÊ VĂN THÔNG	PPD	71	1	12		72	XAYLAP	Vietnamese
16	HÀ XUÂN THANH	PPD	69	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ VĂN DƯƠNG	PPD	72	1	8		85	XAYLAP	Vietnamese
18	HOÀNG ĐỨC PHONG	PPD	70	1	12		88	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	GTC1	05	1	12	18	82	CODIEN	Vietnamese
20	VÔ NGỌC THAI SƠN	GTC1	01	1	12	19	70	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	10	15	150	679	10	8		1 NB DO THI NHI
2	PPD	8	10	80	571	24	4		
3	GTC1	2	2	24	152	37	0		
TOTAL		20	27	254	1.402	71	12		
WEIGHT KG				254	1.402	71			

GRAND TOTAL: 1.727 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 02/06/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PPD+BK4+BK8	7:25	15+1+6	0+0+0		8+1+13	0+0+0	chuyen 2 bk4-bk8
2		P4+P3+TD3	7:25	18+0+4	0+0+0		17+0+4	0+0+0	chuyen 1 p4-p3
3		BK5+BK6+P2	7:25	4+4+13	0+0+0		0+4+18	0+0+0	chuyen 5 bk5-bk6
4		RC5+RP3+CTK3	7:25	8+10+4	0+0+0		0+15+7	0+0+0	
5		RP2+BK14+BK5	9:25	22+0+0	0+0+0		17+0+5	0+0+0	chuyen 2 bk14-bk5
6		RP2+RC10	9:25	16+4	0+0		14+6	0+0	thao 1 ghe doi cho tp
7		P2+P4+P8	9:25	21+1+0	0+0+0		12+2+8	0+0+0	
8		RC5+PPD	9:25	13+9	0+0		0+22	0+0	
9		RP2+RP3	11:25	12+10	0+0		5+16	0+0	
10		RC4+CTC1+RC3	11:25	2+9+11	0+0+0		1+8+8	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/06/2023	TO: PPD - BK4 - BK8	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: HUNG - NPhú - PTUẤN	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN MINH VIEN	PPD	53-54	2	13		76	KHI	Vietnamese
2	OKOVANTSEV GENNADY	PPD	59	1	12		85	KHI	Russian
3	NGUYEN VAN NAM	PPD	65	1	5		65	KHI	Vietnamese
4	VO VAN QUYEN	PPD	62	1	5		64	KHI	Vietnamese
5	TRAN SON TOAN	PPD	60	1	4		74	KHI	Vietnamese
6	NGUYEN DUC LAM	PPD	63	1	5		74	KHI	Vietnamese
7	DO VAN TUAN	PPD	66	1	12		68	KHI	Vietnamese
8	TRAN HUYNH ANH PHONG	PPD	58	1	3		74	KHI	Vietnamese
9	NGUYEN CONG HIEN	PPD	55	1	3	40	55	KHI	Vietnamese
10	NGUYEN THE HUNG	PPD	61	1	5		70	KHI	Vietnamese
11	NGO SY THANH	PPD	50	1	3		68	KHI	Vietnamese
12	TRINH VAN CUONG	PPD	52	1	5		68	KHI	Vietnamese
13	LE TRUNG LAN	PPD	56	1	3		78	KHI	Vietnamese
14	LE THANH TRUNG	PPD	64	1	5		65	KHI	Vietnamese
15	NGUYEN ANH TU	PPD	57	1	10		74	KHI	Vietnamese
16	NGO DANG DUC	BK4				20	68	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN HOANG CAM	BK8	09	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
18	TRAN VAN TINH	BK8	10	1	6		63	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN THANH NHAN	BK8	04-05	2	10	50	68	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI QUANG DUY	BK8	08	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
21	LE TAN	BK8	06-07	2	7		78	KH-THAC	Vietnamese
22	DO VAN HUNG	BK8	11	1	4		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	15	16	93	1.058	40	8		CHUYEN 02 PAX TU BK4 SANG BK8
2	BK4	1	0	0	68	20	1	2	
3	BK8	6	8	44	432	50	13		
TOTAL		22	24	137	1.558	110	22		
WEIGHT KG				137	1.558	110			

GRAND TOAL: 1.805 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/06/2023	TO: P4 - P3 - TD3	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: LHải - TĐông - TDUNG	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN NĂM	P4				60	67	KHI	Vietnamese
2	TRẦN VĂN PHÚC	P4	59	1	6		70	KHI	Vietnamese
3	LÊ VĂN MẠNH	P4	56	1	5		57	KHI	Vietnamese
4	PHẠM QUỐC DUY	P4	58	1	3		61	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN HỒNG PHÚC	P4	57	1	2		74	KHI	Vietnamese
6	OVCHRENKO A.H	P4	04	1	4		81	KHI	Russian
7	LÊ VĂN HOÀN	P4	05	1	2		70	KHI	Vietnamese
8	BUI QUANG HUY	P4	60	1	5		93	KHI	Vietnamese
9	DƯƠNG ĐÌNH HIỀN	P4	55	1	4		65	KHI	Vietnamese
10	LÊ QUANG VINH	P4	54	1	6		71	KHI	Vietnamese
11	LÊ MINH HIẾU	P4	66	1	7		72	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN TUẤN ANH	P4	64-65	2	9		78	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN VIỆT HÙNG	P4	63	1	6		62	XAYLAP	Vietnamese
14	ĐẠO QUỐC HÙNG	P4	61-62	2	20		62	XAYLAP	Vietnamese
15	TRỊNH MINH ĐỨC	P4	67-68	2	14		65	XAYLAP	Vietnamese
16	PHẠM CÔNG ĐIỆN	P4					75	PSV	Vietnamese
17	PHẠM THẾ CÔNG	P4	01	1	3		60	PSV	Vietnamese
18	VŨ ĐÌNH TU	P4	02	1	9		61	PSV	Vietnamese
19	ĐỖ VĂN KHUÔNG	TD3	30	1	7	43	86	BASON	Vietnamese
20	CHE KIM BIÊN	TD3	37	1	6		75	BASON	Vietnamese
21	TÔNG VĂN THẾ	TD3	31	1	15		80	SCHLUMBE	Vietnamese
22	PHẠM VĂN THAI	TD3	32-33	2	20		84	SCHLUMBE	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	18	19	105	1.244	60	17+	1	CHUYEN 1 PAX P4-P3
2	P3	0	0	0	0	0	0	0	
3	TD3	4	5	48	325	43	4		
TOTAL		22	24	153	1.569	103	21		
WEIGHT KG				153	1.569	103			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/06/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 03	TO: BK5 - BK6 - P2	CREW: VThắng - HTrung - Thành	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN QUANG BÌNH	BK5	17	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ NGỌC THẮNG	BK5	15	1	5	20	75	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐOÀN VĂN TRỊNH	BK5	13-14	2	10		61	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HỮU NGHIỆM	BK5	12	1	4	35	57	PSV	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN ĐĂNG	BK6					83	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐỨC THIẾT	BK6	14	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH HẢI	BK6	15	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAN TRỌNG MINH	BK6	13	1	4		70	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN DUY KHANG	P2	44	1	4		85	YTE	Vietnamese
10	LÊ VĂN LONG	P2	43	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN QUANG DŨNG	P2	39	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐỖ VĂN ĐĂNG	P2	41	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN KHẮC QUỐC	P2	33	1	7	30	72	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ NGỌC HÙNG	P2	35-36	2	20		65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH NAM	P2	46	1	2	60	62	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN VĂN HÙNG	P2	45	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TUẤN ĐẠT	P2	32	1	9		78	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN CHÍ HƯƠNG	P2	42	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
19	HUỖNH VĂN THUẬN	P2	38	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐINH BA HOÀNG NAM	P2	40	1	9		95	KH-THAC	Vietnamese
21	PHẠM VĂN ĐÔNG	P2	37	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	4	5	26	273	55	0 + 5		CHUYEN 5 PAX BK5-BK6
2	BK6	4	3	16	296	0	4		
3	P2	13	14	94	929	90	18		
TOTAL		21	22	136	1.498	145	22		
WEIGHT KG				136	1.498	145			

GRAND TOAL: 1.779 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/06/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:43
FLIGHT: 04	TO: RC5 - RP3 - CTK3	CREW: Nam - Son - Tú	ETA: 09:35
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI TRỌNG NHÂN	RC5	09-10	2	12		65	XAYLAP	Vietnamese
2	ĐỖ NGỌC TÂM	RC5	18	1	11		87	XAYLAP	Vietnamese
3	LÊ VĂN TÂN	RC5	12	1	12		63	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐỖ CÔNG PHONG	RC5	13	1	12		67	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN ĐỨC	RC5	14	1	11		85	XAYLAP	Vietnamese
6	PHẠM QUANG TRƯỜNG	RC5	11	1	9		77	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ VĂN CHIẾN	RC5	15	1	12		68	XAYLAP	Vietnamese
8	VŨ TRỌNG HOÈ	RC5	16-17	2	13		73	XAYLAP	Vietnamese
9	DUBOV A.	RP3	74	1	8		97	KH-THAC	Russian
10	PHẠM QUỐC CHÊ	RP3	72	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
11	KHARITONOV YURY	RP3	75	1	6		75	KHI	Russian
12	NGUYỄN TRỌNG TUÂN	RP3				100	85	KHI	Vietnamese
13	PHẠM NGỌC HÙNG	RP3	70	1	5		83	KHI	Vietnamese
14	HÀ VĂN THUY	RP3	69	1	7		72	KHI	Vietnamese
15	PHẠM VĂN KÝ	RP3	68	1	5		68	KHI	Vietnamese
16	HOANG VĂN HAI	RP3	76	1	12		63	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN CỬ	RP3	71	1	3		58	KHI	Vietnamese
18	PHẠM QUỐC KHANH	RP3	73	1	4		83	KHI	Vietnamese
19	LÊ HỒNG CƯƠNG	CTK3	22-23	2	20		70	KH-THAC	Vietnamese
20	LÊ ĐAM	CTK3	21	1	4	3	62	PSV	Vietnamese
21	TRẦN VĂN HỮU	CTK3	18-19	2	14		58	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN KIM NIÊN	CTK3	20	1	4		59	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO
1	RC5	8	10	92	585	0	0	
2	RP3	10	9	53	744	100	15	
3	CTK3	4	6	42	249	3	7	
TOTAL		22	25	187	1.578	103	22	
WEIGHT KG				187	1.578	103		

GRAND TOAL: 1.868 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/06/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:50
FLIGHT: 05	TO: RP2 - BK14 - BK5	CREW: Linh - NPhú - PTUÂN	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU MANH HA	RP2	44	1	7	30	70	KH-THAC	Vietnamese
2	LE TUAN VU	RP2	49	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN HOANG	RP2	45	1	3		82	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN DINH THINH	RP2	40	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN VAN LY	RP2	37	1	4	20	81	KH-THAC	Vietnamese
6	DOAN VAN THIEM	RP2	35	1	2		61	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN THANH DUY	RP2	46	1	3		81	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN DUC THANG	RP2	32	1	15		65	YTE	Vietnamese
9	LUC VAN KIEN	RP2	29	1	10		59	GPWS	Vietnamese
10	VU TIEN THANH	RP2	27-28	2	15		74	GPWS	Vietnamese
11	NGUYEN KHAC SANG	RP2	41	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
12	LUONG QUOC VUONG	RP2	36	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN VIET HUNG	RP2	42	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
14	VO TUAN ANH	RP2	43	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN THANH DUONG	RP2	47	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
16	NGO TUAN ANH	RP2					68	KH-THAC	Vietnamese
17	LE CONG MINH HIEU	RP2	30-31	2	10		96	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN Y	RP2	48	1	8		60	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VIET HUNG	RP2	50	1	7		92	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN HIEU	RP2	26	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
21	IUKHIMCHUCK A,	RP2	33	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN XUAN DONG	RP2	34	1	12		71	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	
1	RP2	22	23	157	1.589	50	17	CHUYEN 2 PAX BK14-BK5
2	BK14	0	0	0	0	40	0+2	
3	BK5	0	0	0	0	0	5	
TOTAL		22	23	157	1.589	90	22	
WEIGHT KG				157	1.589	90		

GRAND TOAL: 1.836 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/06/2023	TO: RP2 - RC10	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: L Hải - T Đông - T DUNG	ETA: 11:50
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN AN NINH	RP2					73	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN HIẾU	RP2					76	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN CHÍ CUÔNG	RP2	99	1	8		61	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TRỌNG CUÔNG	RP2	86	1	5		87	D-HANH	Vietnamese
5	ĐOÀN TRUNG ĐỨC	RP2	85	1	6		69	D-HANH	Vietnamese
6	GIANG TRUNG HIẾU	RP2	87	1	5		89	D-HANH	Vietnamese
7	DƯƠNG QUỐC MAI	RP2	97	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN NAM TRUNG	RP2	900	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM QUANG LỢI	RP2	98	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN HAI SANG	RP2	92	1	2		59	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH HÙNG	RP2	93	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐÀO VĂN TUẤN	RP2	91	1	13		65	KH-THAC	Vietnamese
13	LÊ CHÍ CUÔNG	RP2	94	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ DUY QUYÊN	RP2					61	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG XUÂN KHOA	RP2	96	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐINH VĂN QUAN	RP2	95	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐÀO VIỆT HẢI	RC10	38	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN HÙNG	RC10	40-41	2	11	23	60	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN VĂN THANH	RC10	42	1	8	256	62	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐÀO XUÂN THỌ	RC10	39	1	5		71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL			REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	16	13	74	1.105	0	14		THẢO 02 CHỖ ĐỂ CHỖ THỰC PHẨM
2	RC10	4	5	29	268	279	6		
TOTAL		20	18	103	1.373	279	20		
WEIGHT KG				103	1.373	279			

GRAND TOAL: 1.755 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/06/2023	TO: P2 - P4 - P8	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
FLIGHT: 07	FROM: VT	CREW: VThắng - HTrung - Thành	ETA: 11:45
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN QUỐC TRUNG	P2	18	1	5	60	75	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ SY VANG	P2	08	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	HỒ HUY QUYNH	P2					65	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ ĐỨC HUY	P2	20	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM THANH HIỀN	P2	19	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
6	HOANG TÂN QUÂN	P2	03	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
7	HA CHIẾN THẮNG	P2	05-06	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐOÀN MINH XANH	P2	09	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ HUNG CUÔNG	P2	21-22	2	12		76	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN THUY	P2	12	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ CÔNG LƯU	P2	25	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ VĂN NĂM	P2	04	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TIỀN CHUÔNG	P2					67	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN QUÝ TRUNG	P2	17	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
15	DƯƠNG HOANG HIEU	P2	13-14	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
16	HOANG MINH TUÂN	P2	15	1	10		76	CODIEN	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN QUÂN	P2	10-11	2	12		71	CODIEN	Vietnamese
18	BUI ĐỨC HẬU	P2	24,26	2	13		65	CODIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN ANH	P2	27-28	2	20		66	CODIEN	Vietnamese
20	NGÔ QUANG TRUNG	P2	16	1	6		80	KHI	Vietnamese
21	PHẠM THANH HUNG	P2	07	1	5		63	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN TUÂN ANH	P4	72	1	5		50	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO
1	P2	21	25	155	1.476	60	12	
2	P4	1	1	5	50	0	2	
3	P8	0	0	0	0	0	8	
TOTAL		22	26	160	1.526	60	22	
WEIGHT KG				160	1.526	60		

GRAND TOAL: 1.746 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/06/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 10:05
FLIGHT: 08	TO: RC5 - PPD	CREW: Nam - Sơn - Tú	ETA: 11:55
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ TÁT THÀNH	RC5	56-57	2	17		72	XAYLAP	Vietnamese
2	PHUNG VAN PHUONG	RC5	54	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN VAN HA	RC5	40-41	2	20		62	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN QUY THUAN	RC5	46-47	2	12		55	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYEN VAN TAN	RC5	48	1	17		52	XAYLAP	Vietnamese
6	TRUONG THE HUY	RC5	44-45	2	16		63	XAYLAP	Vietnamese
7	TRAN HAU HAI	RC5	42-43	2	19		57	XAYLAP	Vietnamese
8	LÊ ĐÌNH MINH	RC5	49	1	10		50	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYEN TRUNG ĐÌNH	RC5	52	1	14		53	XAYLAP	Vietnamese
10	LÊ QUY ĐÓN	RC5	38-39	2	14		71	XAYLAP	Vietnamese
11	TRUONG CHI THANH	RC5	53	1	11		65	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ VĂN BAY	RC5	50-51	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN HUNG CUONG	RC5	55	1	9		55	XAYLAP	Vietnamese
14	TRUONG HAI HA	PPD	43	1	7		72	KHI	Vietnamese
15	BUI NGOC HUONG	PPD	49	1	8		74	KHI	Vietnamese
16	LUONG MANH DUONG	PPD	48	1	6		60	KHI	Vietnamese
17	ĐOAN MANH TOAN	PPD	46	1	5		87	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN TAT KHANH	PPD	47	1	9		68	KHI	Vietnamese
19	LÊ QUANG NINH	PPD					70	KHI	Vietnamese
20	TRẦN HÙNG	PPD	40-42	3	20	5	92	KHI	Vietnamese
21	MAI XUÂN TRU	PPD	45	1	6		70	KHI	Vietnamese
22	ĐẶNG NGỌC DUY	PPD	44	1	7		74	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL			REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	13	20	186	775	0	0		
2	PPD	9	10	68	667	5	22		
TOTAL		22	30	254	1.442	5	22		
WEIGHT KG				254	1.442	5			

GRAND TOAL: 1.701 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/06/2023	TO: RP2 - RP3	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:15
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: LHải - TĐông - TDUNG	ETA: 14:05
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TIEN DAT	RP2	57	1	3		79	KH-THAC	Vietnamese
2	THAI VAN TUAN	RP2	98	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN TUAN	RP2	58	1	5		78	PSV	Vietnamese
4	TA QUANG QUYEN	RP2	54	1	7		96	PSV	Vietnamese
5	TRAN TRONG QUI	RP2	97	1	10		65	PSV	Vietnamese
6	NGUYEN TIEN HIEP	RP2	99	1	8		70	PSV	Vietnamese
7	PHAM THE THUAN	RP2	94	1	5		74	PSV	Vietnamese
8	LE MINH KHANG	RP2	96	1	5		65	PSV	Vietnamese
9	VUONG KIEN QUOC	RP2	59	1	10		80	DVL	Vietnamese
10	LUU DINH TRONG	RP2	700	1	15		77	DVL	Vietnamese
11	TRAN VAN HIEP	RP2	01	1	15		73	DVL	Vietnamese
12	TRAN VAN THUAT	RP2	55-56	2	18		73	DVL	Vietnamese
13	VO DON LONG	RP3	18	1	8		71	KHI	Vietnamese
14	NGUYEN QUANG NAM	RP3	19	1	7		65	KHI	Vietnamese
15	KHONG TIEN DUNG	RP3	26	1	6		77	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN VAN MINH	RP3	23	1	7	20	81	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN VU DUYEN	RP3	21	1	10		69	PSV	Vietnamese
18	TRAN VAN NHAN	RP3	17	1	6		80	PSV	Vietnamese
19	ĐAU VIỆT BẮC	RP3	16	1	2		78	PSV	Vietnamese
20	VU HOANG QUAN	RP3	25	1	5		60	PSV	Vietnamese
21	LE MINH HUY	RP3	24	1	5		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	
1	RP2	12	13	106	899	0	5	
2	RP3	9	9	56	653	20	17	
TOTAL		21	22	162	1.552	20	22	
WEIGHT KG				162	1.552	20		

GRAND TOAL: 1.734 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/06/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 12:10
FLIGHT: 10	TO: RC4 - CTC1 - RC3	CREW: Linh - KHOÀN - Toan	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN KHANH	RC4	53	1	10	20	70	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN BA ĐIẾP	RC4	51-52	2	19		77	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐỨC HAI	CTC1	23	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN CÔNG TUYẾN	CTC1	20	1	2		75	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐẶNG HOANG ANH	CTC1	21	1	6		82	KH-THAC	Vietnamese
6	BUI VĂN NINH	CTC1	17	1	2		74	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM THẾ MẠNH	CTC1	19	1	9		76	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN HUYỀN	CTC1	18	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN HUY CÔNG	CTC1	24	1	4		52	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN NAM SƠN	CTC1	22	1	10		81	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN VIỆT TOÀN	CTC1	16	1	6	40	95	PSV	Vietnamese
12	ĐỖ NGUYỄN HỒNG THANH	RC3	01	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ VĂN DUNG	RC3	08	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH CÔNG	RC3					65	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TÂN HỒNG	RC3	09	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG KHOA	RC3	10	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN MẠNH QUÂN	RC3	07	1	7		72	PSV	Vietnamese
18	PHAN THANH NAM	RC3	02	1	10		73	PSV	Vietnamese
19	TRƯƠNG ĐỨC THỌ	RC3	06	1	13		70	PVGAS	Vietnamese
20	ĐINH HỮU TUẤN	RC3	03	1	7		66	PVGAS	Vietnamese
21	MẠC XUÂN TRƯỞNG	RC3	04-05	2	12	47	75	PVGAS	Vietnamese
22	NGUYỄN BA HIỆP	RC3	11	1	6		73	PVGAS	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	2	3	29	147	20	1		
2	CTC1	9	9	52	672	40	8		
3	RC3	11	11	79	766	47	8		
TOTAL		22	23	160	1.585	107	17		
WEIGHT KG				160	1.585	107			

GRAND TOAL: 1.852 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN